

dẫn theo thời gian hay lãi suất tiêu dùng). Đến đây, chúng ta chuyển sang những kỹ thuật dùng để tính toán tỉ suất chiết khấu và các chi phí cơ hội kinh tế khác.

Khung lý luận

Khung lý luận này dựa trên ba định đề cơ bản sau:

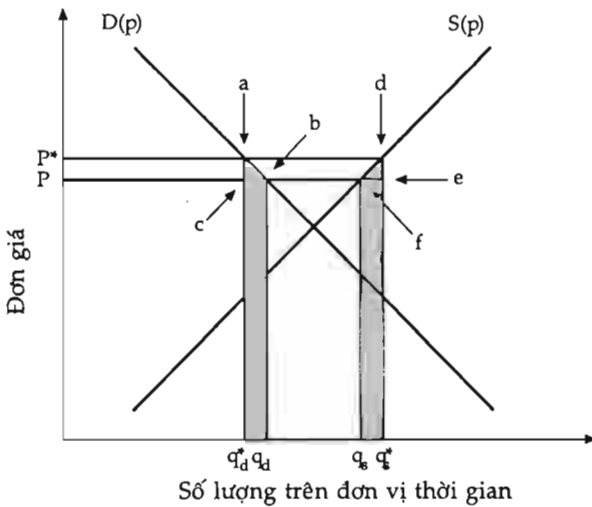
- Giá cầu cạnh tranh đo lường lợi ích của mỗi đơn vị cận biên dành cho người có cầu.
- Giá cung cạnh tranh hay chi phí cận biên đo lường chi phí cơ hội cho mỗi đơn vị cận biên xét trên quan điểm của người cung ứng.
- Khi cố gắng đo lường lợi ích và chi phí đối với toàn thể xã hội, chúng ta phải tính đến sự khác biệt giữa lợi ích và chi phí.

Khung mẫu này sử dụng cách tiếp cận cơ bản tương tự để định giá tất cả hàng hoá và dịch vụ, bất kể chúng là đầu vào nguyên liệu, ngoại hối hay vốn. Cách tiếp cận này giả định rằng, chính phủ mua hàng hoá và dịch vụ để dùng cho dự án của mình trong một thị trường hoạt động tương đối trơn tru, tuy rằng có bóp méo. Khi chính phủ mua hàng hoá, chính phủ sẽ làm giá hàng hoá đang xét tăng. Chúng ta thoả mãn cầu bổ sung của chính phủ thông qua việc (a) giảm tiêu dùng hàng hoá do những người tiêu dùng hiện tại; (b) tăng sản xuất hàng hoá của những người sản xuất hiện tại; hoặc (c) kết hợp cả hai. Nguyên tắc cơ bản dùng để định giá hàng hoá và dịch vụ là giá trị đối với xã hội của hàng hoá và dịch vụ dùng cho dự án là tổng giá trị mà người tiêu dùng gán cho việc tiêu dùng phải từ bỏ, cộng với chi phí tăng sản xuất. Để minh họa, cách tiếp cận này giả định có sự tận dụng công suất tối đa. Các nguyên tắc này cũng được áp dụng hoàn toàn cho các nguồn lực chưa được sử dụng.

Trước hết, chúng ta hãy xét việc định giá bất kể một đầu vào nguyên liệu nào, chẳng hạn như xi măng, trong một môi trường tự cung tự cấp và không có méo mó. Cung cầu nội địa hoàn

toàn quyết định giá thị trường của xi măng trong trường hợp này. Tồn tại một mức giá duy nhất cho cả người tiêu dùng và người sản xuất (xem hình TA.1).

Hình TA.1. Giá kinh tế của hàng hoá được bán trên thị trường không có bóp méo



Nguồn: Các tác giả.

Tại mức giá P của xi măng, khu vực tư nhân sản xuất q_s và tiêu dùng q_d . Chính phủ với đường cầu của mình không được thể hiện trong hình vẽ, sẽ tiêu dùng một lượng bằng $q_s - q_d$. Khi chính phủ quyết định thực hiện dự án mới, chính phủ sẽ dịch chuyển đường cầu này sang phải. Nếu không có nhập khẩu thì việc giảm tiêu dùng, tăng sản xuất hay kết hợp cả hai sẽ phải thoả mãn được cầu tăng thêm của chính phủ. Để phản ứng lại cầu mới của chính phủ, giá xi măng sẽ tăng một lượng nhất định, mà vì mục đích minh họa, chúng ta sẽ chỉ ra ở đây dưới dạng một lượng tùy ý mang tính cảm nhận nào đó.

Giả sử chính phủ làm tăng giá đến P^* . Tại mức giá mới, người tiêu dùng giảm lượng mua sắm của họ từ q_d xuống q_d^* , người sản xuất tăng sản xuất của mình từ q_s lên q_s^* . Trong

trường hợp này, chính phủ đã thoả mãn cầu tăng thêm của mình bằng cách giảm tiêu dùng $q_d - q_d^*$ và tăng sản xuất $q_s^* - q_s$. Dự án mới sẽ tiêu dùng phần chênh lệch giữa bf và ad. Nguyên tắc định giá cơ bản sử dụng trong cuốn sách này là giá trị đối với xã hội của hàng hoá được dùng cho dự án bằng giá trị mà người tiêu dùng gán cho việc họ phải giảm tiêu dùng của mình cộng với chi phí của việc sản xuất tăng thêm - tổng các diện tích tô đậm bên dưới đường cung và cầu.

Giá trị được người tiêu dùng gán cho lượng xi măng chuyển qua sử dụng cho dự án xấp xỉ bằng $P\Delta D + 1/2\Delta P\Delta D$, trong đó $\Delta P = (P^* - P)$ và $\Delta D = (q_d - q_d^*)$. Lượng này có thể được chia làm hai phần:

- Giá trị thị trường của những đơn vị chuyển sang cho dự án ($P\Delta D$), cộng với
- Tổn thất trong thặng dư tiêu dùng, phần này xấp xỉ bằng $(1/2\Delta P \cdot \Delta D)$

Tương tự, nếu chúng ta ký hiệu $\Delta S = (q_s^* - q_s)$ thì chi phí sản xuất lượng xi măng dùng cho dự án xấp xỉ bằng $P\Delta S + 1/2\Delta P \cdot \Delta S$.

Tổng giá trị lượng xi măng chuyển sang dự án sẽ xấp xỉ bằng

$$P\Delta D + 1/2\Delta P\Delta D + P\Delta S + 1/2\Delta P \cdot \Delta S$$

và chi phí đơn vị của lượng xi măng chuyển qua dự án sẽ bằng tổng chi phí chia cho số đơn vị được chuyển sang, hay xấp xỉ bằng

$$(TA.1) \quad \frac{P\Delta D + 1/2\Delta P\Delta D + P\Delta S + 1/2\Delta P\Delta S}{\Delta D + \Delta S}$$

Với những thay đổi nhỏ về cầu, mà đây thường đúng cho hầu hết các dự án, thì sự thay đổi trong thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất (thí dụ, khoản $1/2\Delta P\Delta D + 1/2\Delta P\Delta S$) là không đáng kể, và phương trình (TA.1) giảm xuống còn:

$$(TA.2) \quad \frac{P\Delta D + P\Delta S}{\Delta D + \Delta S}$$

Diện tích dưới đường cầu và đường cung sẽ phụ thuộc vào độ co giãn tương ứng của cung và cầu. Điều này có thể thấy

được nếu biểu thị ΔD và ΔS như sau:

$$(TA.3) \quad \Delta D = q_d \left(\frac{P\Delta D}{-q_d\Delta P} \right) \frac{\Delta P}{P} = -\eta q_d \frac{\Delta P}{P}$$

$$(TA.4) \quad \Delta S = q_s \left(\frac{P\Delta S}{q_s\Delta P} \right) \frac{\Delta P}{P} = \varepsilon q_s \frac{\Delta P}{P}$$

Nếu chúng ta thay thế những phương trình này vào phương trình (TA.2) thì sẽ có:

$$(TA.5) \quad P \left(\frac{\varepsilon q_s}{\varepsilon q_s - \eta q_d} \right) - P \left(\frac{\eta q_d}{\varepsilon q_s - \eta q_d} \right)$$

trong đó η là độ co giãn của cầu theo chính giá của nó và là độ co giãn của cung theo chính giá của nó. Phương trình (TA.5) đơn giản cho biết giá trị đơn vị mà xã hội gán cho các đơn vị hàng hoá chuyển qua cho dự án bằng giá thị trường của hàng hoá đó. Điều này cũng chính là điều mà chúng ta dự kiến trong trường hợp đơn giản khi không có méo mó.

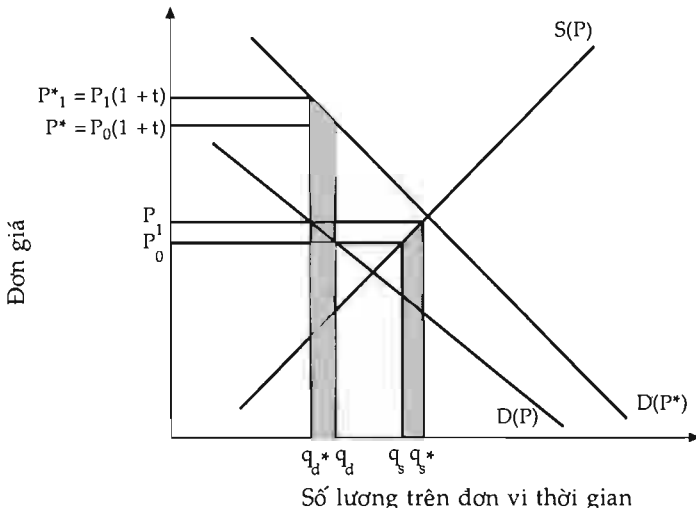
Tác động của việc đưa sự bóp méo vào thị trường là nó gây ra sự chênh lệch giữa chi phí xã hội và chi phí tư nhân của việc tiêu dùng và sản xuất hàng hoá. Để minh họa, chúng ta đưa sự bóp méo vào dưới dạng một loại thuế tiêu thụ đặc biệt đánh theo tỉ lệ phần trăm của giá hàng hoá (xem hình TA.2). Mặc dù sự bóp méo cụ thể này là dưới dạng đánh thuế, nhưng cách tiếp cận lý thuyết này vẫn giống nhau bất kể bản chất của sự bóp méo như thế nào.

Chúng ta có thể minh họa tác động của thuế tiêu thụ đặc biệt là sự chuyển dịch đường cầu sang trái, với khoảng cách dọc giữa hai đường cầu cho biết giá trị của mức thuế. Như trên đây đã thấy, tại điểm cân bằng ban đầu, giá thị trường là P_0 . Chính phủ mua $q_s - q_d$. Sự khác biệt với trường hợp trước là người sản xuất nhận được P_0 cho mỗi đơn vị hàng hoá được bán, trong khi người tiêu dùng phải trả $P_0^* = P_0 (1 + t)$. Vì tác động bóp méo của thuế tiêu thụ đặc biệt nên giá mà người sản xuất nhận được khác với giá mà người tiêu dùng phải trả. Khi cầu của chính phủ về hàng hoá tăng đến $q_s^* - q_d^*$, chính phủ đã làm giá tăng

từ P_0 đến P_1 . Giá cao hơn khiến người tiêu dùng giảm mua sắm của mình và người sản xuất tăng sản xuất của họ. Do tiêu dùng giảm, chính phủ thất thu doanh thu thuế mà không bù lại bằng lợi ích tư nhân, nên lượng tổn thất là $(P_0^* - P_0)(q_d - q_d^*)$.¹

Ngoài ra, người tiêu dùng còn giảm tiêu dùng của mình một lượng bằng $P_0(q_d^* - q_d)$. Cuối cùng, người tiêu dùng cũng thiệt hại trong thặng dư tiêu dùng một lượng bằng $1/2(P_1^* - P_0^*)(q_d^* - q_d)$. Khi đó, xã hội sẽ gán một giá trị cho những hàng hoá

Hình TA.2 Giá kinh tế của hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt



1. Khi thuế đang xét là một lượng cho trước bằng T trên một đơn vị sản phẩm (chẳng hạn 10 xu trên một kilô) thì chi phí tăng thêm đi kèm với sự chuyển dịch cầu chỉ đơn thuần là TQ . Tuy nhiên, khi thuế được tính theo giá trị thì sự thay đổi trong doanh thu của chính phủ là $(p_1q_d^* - p_0q_d)$, hay có thể viết thành $t_{qd}\Delta DP - P_0D_q$. Trong trường hợp này, chỉ có số hạng thứ hai được xuất hiện trong tính toán chi phí kinh tế. Phần tổn thất của chính phủ xuất phát từ $t_{qd}\Delta DP$ được bù lại bằng phần lợi ích mà người có cầu và người sản xuất được hưởng.

chuyển sang cho dự án bằng tổng ba lượng này, mà tổng đó bằng diện tích tô đậm dưới đường cầu $D(P^*)$. Tương tự, diện tích tô đậm dưới đường cung là chi phí sản xuất các đơn vị hàng hoá tăng thêm cho dự án. Diện tích tô đậm dưới đường cung và cầu là tổng chi phí cho xã hội của những đơn vị hàng hoá chuyển sang cho dự án:

$$(TA.6) \quad P^* \Delta D + 1/2 \Delta P^* \Delta D + P \Delta S + 1/2 \Delta P \Delta S$$

Lại bỏ qua phần tổn thất trong thặng dư tiêu dùng và phần thu lại trong thặng dư sản xuất và biểu thị chi phí đơn vị cho xã hội dưới dạng độ co giãn, chúng ta có một phương trình tương tự như phương trình (TA.5)

$$(TA.7) \quad UV = P \left(\frac{\epsilon q_s}{\epsilon q_s - \eta q_d} \right) - P^* \left(\frac{\eta q_d}{\epsilon q_s - \eta q_d} \right)$$

Việc giải phương trình (TA.7) rất trực tiếp: giá trị đơn vị UV đối với xã hội của mỗi đơn vị hàng hoá được chuyển từ khu vực tư nhân sang dự án của chính phủ bằng bình quân gia quyền của mức giá mà người tiêu dùng thực sự phải trả với mức giá mà người sản xuất nhận được. Quyền số tỉ lệ thuận với độ co giãn của cầu và cung và với lượng cung và cầu lúc đầu. Nếu cầu hoàn toàn không co giãn ($\eta = 0$), thì người tiêu dùng sẽ không giảm tiêu dùng hàng hoá của họ, và cầu tăng thêm của dự án sẽ phải được đáp ứng hoàn toàn bằng việc sản xuất thêm. Trong trường hợp này, mức giá thích hợp sẽ là giá cung. Nếu ngược lại, đường cung là hoàn toàn không co giãn ($\epsilon = 0$), thì cầu tăng thêm của dự án sẽ phải lấy từ tiêu dùng từ bỏ, trong trường hợp này mức giá thích hợp là giá cầu. Trong hầu hết các trường hợp, chẳng có đường cung hay cầu nào hoàn toàn không co giãn, và mức giá thích hợp sẽ phải là bình quân gia quyền giữa hai mức giá. Chúng ta có thể áp dụng khung lý luận cơ bản này để đo lường chi phí cơ hội xã hội của hàng hoá không tham gia ngoại thương, hàng hoá tham gia ngoại thương, vốn, ngoại hối, và lao động.